

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Độc lập – Tự do – T phúc

Bản án số: 1494/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15/12/2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Ký.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Tốt.

Ông Huỳnh Hữu Tường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khôi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 978/2025/TLST-HNGĐ ngày 30/10/2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4660/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị Mỹ T, sinh năm: 1981 - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: FR4 đường Nguyễn Văn Quá phường Đông Hưng Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm: 1975 - có mặt.

Địa chỉ: EG4 đường Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn bà Hà Thị Mỹ T trình bày:

Bà Hà Thị Mỹ T và ông Huỳnh Văn T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 123, do Ủy ban nhân dân phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/11/1999.

Quá trình chung sống, ông bà chỉ có T phúc được thời gian đầu, sau đó bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên kiếm chuyện la mắng, cộc cằn trong tính cách và không quan tâm tới cảm xúc của bà, vợ chồng bà thường xuyên cự cãi với nhau. Bà đã cố gắng chịu đựng rất nhiều vì nghĩ đến sự trưởng thành của các con cần có một gia đình đầy đủ cha mẹ nhưng càng ngày càng với sự chịu đựng về tinh thần, mỗi ngày đều xảy ra mâu thuẫn khiến bà mệt mỏi.

Bà nhận thấy sự chịu đựng của bà đã vượt quá giới hạn nên không thể tiếp

tục chung sống cùng nhau và không có khả năng hàn gắn được nữa. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

Về con chung: Có 03 con chung là Huỳnh Thị Mỹ Hiền, sinh ngày 30/7/2000 (đã thành niên) và Huỳnh Thị Yến Nhi, sinh ngày 01/6/2007 (đã thành niên) và trẻ Huỳnh Thị Mỹ Phương, sinh ngày 11/11/2015. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu giao trẻ Huỳnh Thị Mỹ Phương cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Huỳnh Văn T vắng mặt tại phiên hòa giải, không có lời khai cung cấp cho Tòa án về vụ việc.

Tại phiên tòa:

Ông Huỳnh Văn T xác nhận ông và bà T là vợ chồng hợp pháp, có 03 con chung như bà T trình bày. Ông T không đồng ý ly hôn với bà T do ông còn thương yêu vợ con; nếu Hội đồng xét xử cho bà T được ly hôn với ông, ông đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Mỹ Phương, không cần bà T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung ông xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T cũng xác nhận ông có đánh bà T và các bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nhưng mâu thuẫn xảy ra là do ông quá thương yêu vợ nên mới ghen và nghi ngờ bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, T qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: thực hiện đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà T yêu cầu được ly hôn với ông T nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn. Ông T đang cư trú tại phường Đông Hưng Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó căn cứ vào các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 123, do Ủy ban nhân dân phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/11/1999.

Theo lời bà T trình bày thì trong quá trình sống chung bà T và ông T không T phúc, mâu thuẫn kéo dài. Nguyên nhân do ông T ghen tuông vô cớ, nhiều lần xúc phạm đến danh dự của bà. Bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống và không thể hàn gắn với ông T. Cuộc sống rất áp lực và mệt mỏi, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã tiến hành mời các đương sự đến hòa giải nhưng ông T đã vắng mặt không có lý do, từ bỏ quyền hoà giải hàn gắn gia đình, từ đó cho thấy rằng ông T không thật sự mong muốn hoà giải hàn gắn gia đình. Ngoài ra bà T cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hoà giải. Bà T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và yêu cầu Tòa án giải quyết theo những yêu cầu bà đã trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai. Xét thấy, tình cảm của bà T và ông T đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng và không thể hàn gắn được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T.

[3.2] Về con chung: Các đương sự có 03 con chung là Huỳnh Thị Mỹ Hiền, sinh ngày 30/7/2000 (đã thành niên) và Huỳnh Thị Yến Nhi, sinh ngày 01/6/2007 (đã thành niên) và Huỳnh Thị Mỹ Phương, sinh ngày 11/11/2015. Bà T yêu cầu giao cháu Mỹ Phương cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, theo nguyện vọng của cháu Mỹ Phương muốn ở với cha, đồng thời hiện tại cháu Phương đang ở chung với ông T, có nơi cư trú, học tập ổn định, do đó nên giao cháu Mỹ Phương cho cha chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ tạo điều kiện giúp cho trẻ phát triển ổn định tốt hơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Mỹ Phương cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà T cho đến khi các bên có yêu cầu.

[3.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 208; Điều 227; Điều 228 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58 và 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí, lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và năm 2022.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Mỹ T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hà Thị Mỹ T được ly hôn ông Huỳnh Văn T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 123, quyển số 01/99, do Ủy ban nhân dân phường Đông Hưng Thuận, Quận 12 (nay là phường Đông Hưng Thuận), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/11/1999 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 03 con chung là Huỳnh Thị Mỹ Hiền, sinh ngày 30/7/2000 (đã thành niên) và Huỳnh Thị Yến Nhi, sinh ngày 01/6/2007 (đã thành niên) và Huỳnh Thị Mỹ Phương, sinh ngày 11/11/2015.

Giao cháu Huỳnh Thị Mỹ Phương, sinh ngày 11/11/2015 cho ông Huỳnh Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Hà Thị Mỹ T.

Vì lợi ích của con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Hà Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu 0032736 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh nên bà T đã nộp đủ án phí.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 và năm

2022 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 7;
- THADS Tp.HCM;
- UBND phường Đông Hưng Thuận, Tp.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Ký

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờphút ngày 23 tháng 9 năm 2025.

Tại Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hương.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tốt.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.

Tiến hành nghị án vụ án xin ly hôn thụ lý số 19/2025/HNST ngày 07 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị Mỹ T.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: biểu quyết 3/3 đồng ý quan hệ tranh chấp là: “Ly hôn” và thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 7 theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về điều luật áp dụng: Biểu quyết 3/3 đồng ý áp dụng các quy định sau để quyết định giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 27, 33, 35, 131, 179, 199, 202, 208, 236, 238, 239 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

*Về nội dung quyết định: biểu quyết 3/3 đồng ý:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Mỹ T.

3. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hà Thị Mỹ T được ly hôn ông Huỳnh Văn T.

4. Về con chung: Có 03 con chung tên là Nguyễn Như Quỳnh, sinh ngày 19/7/1996; Nguyễn Quỳnh Như, sinh ngày 30/8/2006 và Nguyễn Như Quỳnh Trân, sinh ngày 08/7/2008.

Giao trẻ Nguyễn Như Quỳnh Trân, sinh ngày 08/7/2008 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Huỳnh Văn T.

Vì lợi ích của con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm:

Buộc bà Hà Thị Mỹ T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Bà T đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí khi nộp đơn xin ly hôn theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0049904 ngày 07/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12 nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thu Hương